UBND TỈNH HÀ NAM **SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 139 /QĐ-SNN	*Hà Nam, ngày 11 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nam

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-SNN ngày 08/7/2019 của Sở Nông nghiệp & PTNT v/v giao dự toán kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019;

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của văn phòng Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nam *(theo biểu đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính Hà Nam;
- Các Phòng, Ban;
- Lưu KH-TC,VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH HÀ NAM

Nguyễn Minh Tiến

Biểu số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Văn phòng Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nam

Chương: 412

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: ...../QĐ-SNN ngày ...../...../ 2019 của Sở nông nghiệp và PTNT Hà Nam)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	***Số thu phí, lệ phí***	***0***
	Lệ phí	
	Phí	
2	***Chi từ nguồn thu phí được để lại***	***0***
2.1	Chi sự nghiệp.....	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chínhc (340-341)	0
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	***Số phí, lệ phí nộp NSNN***	***0***
	Lệ phí	
	Phí	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**2.010**
1	Chi quản lý nhà nước (340-341)	0
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi hoạt động kinh tế	0
2.1	**Chi sự nghiệp Nông nghiệp (280-281)**	0
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	**Chi sự nghiệp Thủy lợi (280-283)**	0
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (250-278)	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi trương trình mục tiêu	2.010
	Chi chương trình mục tiêu quốc gia các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập người dân (M0395-L280-K284)	2.010
4.1	*Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên*	
4.2	*Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên*	*2.010*
4.2.1	*Đề án: "Phát triển sản xuất các khu NTTS tập trung tỉnh Hà Nam năm 2019"*	*530*
4.2.2	*Đề án: "Xây dựng mô hình điểm nuôi cá ứng dụng công nghệ "Sông trong ao" sản xuất theo chuỗi liên kết năm 2019"*	*1.480*